

Bản án số: **186/2025/HS-ST**
Ngày 19-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thị Hồng Ngọc – Nguyên chủ tịch Hội phụ nữ phường Tam Hiệp.

2/ Ông Trần Văn Tam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Phương Anh, thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai, tham gia phiên tòa: Bà Tống Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 140/2025/HSST ngày 26/8/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2025/QĐXXST-HS ngày 05/9/2025 đối với các bị cáo:

1. Đặng Trọng Tuấn A (tên gọi khác: không), sinh ngày 30-01-2007 tại tỉnh Nghệ An; Nơi đăng ký HKTT: Tổ 7A, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh). Nơi cư trú: khu phố T2, phường T1, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Trọng T, sinh năm 1985 và bà Phan Thị O, sinh năm 1986; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con lớn; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/4/2025, đến ngày 11/4/2025 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Biên Hòa (có mặt).

2. Nguyễn Trương D (tên gọi khác: không), sinh ngày 09-7-2007 tại tỉnh Nam Định; Nơi đăng ký HKTT: Tổ 13, thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định (nay là xã Y, tỉnh Ninh Bình). Nơi cư trú: khu phố B4, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Không; trình độ

văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Cha: không rõ, con bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1973; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/4/2025, đến ngày 11/4/2025 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Biên Hòa (có mặt).

3. Nguyễn Đức N (tên gọi khác: không), sinh ngày 23-10-2007 tại tỉnh Bình Dương; Nơi cư trú: khu phố T, phường T3, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1975 và bà Bùi Thị X, sinh năm 1976; Gia đình có 3 anh chị em, bị cáo là con thứ 2; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/4/2025, đến ngày 11/4/2025 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Biên Hòa (có mặt).

- Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Đức N: Bà Bùi Thị X, sinh năm: 1977 và ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1975. (có mặt)

Địa chỉ: khu phố T, phường T3, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức N: Bà Nguyễn Ngọc H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trương D: Bà Hoàng Minh Th – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

- Bị hại: Anh Đỗ Ngọc Minh H, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố 1, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là khu phố Bình Thành, phường Trán Biên, tỉnh Đồng Nai). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Trọng Tuấn A, Nguyễn Đức N và Nguyễn Trương D là nhóm bạn chơi chung với nhau. Sáng ngày 31/3/2025, cả ba gặp nhau tại quán Cà phê “Ngon” địa chỉ đường N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, thành phố Hồ Chí Minh). Tại đây, Tuấn A rủ D và N cùng đi cướp tài sản với thủ đoạn cả bọn đi xe mô tô, mang theo dao, đến các đoạn đường vắng tìm người đi một mình để khống chế chiếm đoạt tài sản thì được D và Nhân đồng ý, Nói D chuẩn

bị dao thì được D đồng ý.

Thực hiện kế hoạch đã bàn bạc, khoảng 23 giờ cùng ngày, N điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave S màu đen biển số 61S3 - 1160 chở D, D mang theo 01 (Một) con dao thái lan, Tuấn A điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo biển số 61D1 - 763.62, cả ba đi từ nhà Tuấn A tại phường T, thành phố Hồ Chí Minh đi quanh khu vực thành phố Hồ Chí Minh tìm cơ hội để thực hiện hành vi. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 01/4/2025, khi đi đến đoạn đường N thuộc phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai), cả bọn thấy anh Đỗ Ngọc Minh H (Sinh năm: 1998, Cư trú: Tổ 5, khu phố 1, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nay là phường T, tỉnh Đồng Nai) đang dừng xe đạp bên đường sử dụng điện thoại để chơi điện tử, trên đường chỉ có một mình anh H. Khi đi được khoảng 100m (Một trăm mét), N dừng xe lại nói với Tuấn A “Nó kia”, Tuấn A trả lời “Thấy rồi” rồi dừng xe mô tô lại, D chuyển sang ngồi cùng xe mô tô với Tuấn A. Thấy vậy, anh H lên xe đạp bỏ chạy vào đường N1 thuộc Khu dân cư B, phường T, tỉnh Đồng Nai thì bị Tuấn A, D và N điều khiển xe mô tô đuổi theo. Tuấn A điều khiển xe mô tô chở D ngồi sau chạy đến chặn đầu xe anh H, N điều khiển xe mô tô chạy chặn sau, D xuống xe dùng tay kẹp cổ anh H từ phía sau và dùng dao mang theo kề vào cổ anh H đe dọa, khống chế yêu cầu anh H giao tài sản. Khi anh H vừa lấy điện thoại hiệu Iphone 14 Plus ra khỏi túi quần thì bị D giật lấy rồi leo lên xe mô tô Tuấn A chờ sẵn, cả bọn tẩu thoát đến cửa hàng GS25 ở phường T, thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, D lấy điện thoại vừa chiếm đoạt được đưa cho Nhân giữ. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, Tuấn A điều khiển xe mô tô biển số 61D1 - 763.62 chở N đi đến cửa hàng điện thoại “LN” tại địa chỉ đường N, phường D, thành phố Hồ Chí Minh bán điện thoại vừa chiếm đoạt cho anh Lê Thanh T (Sinh năm 1994, thường trú: Ấp Kinh 12, xã M, tỉnh T) được 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng). Tuấn A và N chia nhau mỗi người 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và chia cho D 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Tuấn A, D, Nhân đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Quá trình điều tra: Đặng Trọng Tuấn A, Nguyễn Trương D, Nguyễn Đức N đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Về vật chứng:

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Plus của anh Đỗ Ngọc Minh H bị chiếm đoạt, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai tiến hành truy tìm nhưng chưa thu hồi được (Bút lục 159 - 161).

+ 01 (Một) xe mô tô hiệu Honda Wave S biển số 61S3 - 1160, số khung 099647, số máy 0641024 là tài sản của anh Nguyễn Hồng P (cha của Nguyễn Đức N). Anh P không biết Nhân tự ý lấy xe mô tô trên sử dụng làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã trả lại cho anh P theo quy định (Bút lục 179, 181, 270).

+ 01 (Một) xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo, màu đỏ đen, biển số 61D1 - 763.62, số khung RLCSE9210EY001693, số máy E3R7E001692 là tài sản của chị Phan Thị O (mẹ của Đặng Trọng Tuấn A). Chị O không biết Tuấn A tự ý lấy xe

mô tô trên sử dụng làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã trả lại cho chị O theo quy định (Bút lục 81 – 82, 164, 168 – 169, 184, 271).

+ 01 (Một) con dao Thái Lan cán gỗ, lưỡi sắt đầu nhọn dài được sử dụng làm công cụ phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai tạm giữ, chuyển xử lý cùng vụ án (Bút lục 81 - 82).

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xanh dương, dung lượng 128Gb, số imei 356714111192817; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, số imei 353892108987176 gắn sim số thuê bao 0962922778 được sử dụng làm công cụ phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai tạm giữ, chuyển xử lý cùng vụ án (Bút lục 77 - 78, 85 - 86).

+ 01 (Một) USB ghi nhận nội dung vụ án, chuyển xử lý cùng vụ án (Bút lục 174).

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số: 52/KL-HĐĐGTS ngày 23/4/2025, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Biên Hòa, kết luận 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Plus loại 128Gb bị chiếm đoạt trị giá 7.800.000 đồng (Bảy triệu tám trăm nghìn đồng) (Bút lục số: 89 - 91);

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đỗ Ngọc Minh H đã được gia đình các bị cáo bồi thường 7.800.000 đồng (Bảy triệu tám trăm nghìn đồng) và có đơn bãi nại cho các bị cáo, đồng thời không có yêu cầu bồi thường gì thêm (Bút lục số: 152, 156).

Tại Cáo trạng số 127/CT-VKS-HS ngày 25/8/2025 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai đã truy tố bị cáo Đặng Trọng Tuấn A, Nguyễn Trương D, Nguyễn Đức N về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo Đặng Trọng Tuấn A, Nguyễn Trương D, Nguyễn Đức N về tội danh, điều luật áp dụng nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 54, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt bị cáo:

Đặng Trọng Tuấn A từ 08 đến 09 năm tù.

Nguyễn Trương D 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù.

Nguyễn Đức N 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định.

Phát biểu của trợ giúp viên pháp lý của bị cáo D: Thống nhất về tội danh và điều luật Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo. Thống nhất về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quan điểm của Kiểm sát viên. Bị cáo D khi thực hiện hành vi phạm tội là người chưa thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt với mức thấp nhất cho bị cáo.

Phát biểu của trợ giúp viên pháp lý của bị cáo N: Thống nhất về tội danh và điều luật Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo. Thống nhất về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quan điểm của Kiểm sát viên. Bị cáo Nhân khi thực hiện hành vi phạm tội là người chưa thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt với mức thấp nhất cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt bị hại anh Đỗ Ngọc Minh H. Nhận thấy, anh H đã có đơn xin xét xử vắng mặt, trong quá trình điều tra anh H đã có lời khai trình bày về vụ việc, đã nhận bồi thường không yêu cầu bồi thường thêm, có đơn bãi nại cho các bị cáo, do đó Hội đồng xử vắng mặt anh H theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Theo như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, các bị cáo Đặng Trọng Tuấn A, Nguyễn Trương D và Nguyễn Đức N thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố; lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung bị cáo, biên bản lấy lời khai người làm chứng, bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử công khai tại phiên tòa.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào 01 giờ 30 phút ngày 01/4/2025, trên đường N thuộc phường T, tỉnh Đồng Nai, Đặng Trọng Tuấn A, Nguyễn Trương D và Nguyễn Đức N đã có hành vi điều khiển xe mô tô ép xe anh Đỗ Ngọc Minh H, dùng tay kẹp cổ không chế và dùng dao kề vào cổ đe dọa và chiếm đoạt của anh H 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Plus trị giá 7.800.000 đồng (Bảy triệu tám trăm nghìn đồng). Đến ngày 10/4/2025, Đặng Trọng Tuấn A, Nguyễn Trương D và Nguyễn Đức N bị khởi tố, xử lý theo quy định.

Từ căn cứ trên, xác định bị cáo Đặng Trọng Tuấn A, Nguyễn Trương D và Nguyễn Đức N đã phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản Cáo trạng số 127/CT-VKSBH ngày 25/8/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị

truy tố bị cáo Đặng Trọng Tuấn A, Nguyễn Trương D và Nguyễn Đức N về tội “Cướp tài sản” theo các điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] *Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi:* Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản và quyền nhân thân của người bị hại được Nhà nước bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, hiểu biết được mức độ nguy hiểm do hành vi của mình gây ra. Tuy nhiên do ham chơi, lười lao động các bị cáo vẫn thực hiện hành vi cướp tài sản của bị hại với hình thức đi với số lượng đông người, ép sát và dùng dao kề vào cổ để đe dọa trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng của người bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại. Do đó các bị cáo phải chịu hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi, vai trò thực hiện tội phạm để cải tạo, giáo dục răn đe và phòng ngừa chung.

[4] *Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án:* Trong vụ án này, Đặng Trọng Tuấn A là người chủ mưu, rủ rê các bị cáo khác và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên có vai trò cao nhất trong vụ án cần xét xử Tuấn A với hình phạt nặng nhất; Nguyễn Trương D là người chuẩn bị hung khí, tích cực và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, tham gia với vai trò thứ 2 trong vụ án; Nguyễn Đức N là đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội tích cực nên có vai trò thấp hơn Tuấn A và D.

[5] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:*

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Đặng Trọng Tuấn A phạm vào tình tiết “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại, bị hại có đơn bãi nại cho các bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

+ Đặng Trọng Tuấn A, có ông nội là người tham gia chiến đấu tại chiến trường Campuchia và được tặng Huân chương chiến công hạng 3; Nguyễn Đức N có ông nội và bà ngoại là người có công với cách mạng, Nguyễn Trương D có gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo không có cha, mẹ bị cáo hiện đang mắc nhiều bệnh có xác nhận của chính quyền địa phương nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

+ Nguyễn Trương D và Nguyễn Đức N phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng các Điều luật quy định tại Chương XII Bộ luật hình sự.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự,

nhân thân, vai trò của bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo để đảm bảo sự nghiêm minh, khoan hồng của pháp luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[6] Về vật chứng vụ án:

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 14 Plus của anh Đỗ Ngọc Minh H bị chiếm đoạt, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai tiến hành truy tìm nhưng chưa thu hồi được.

+ 01 (Một) xe mô tô hiệu Honda Wave S biển số 61S3 - 1160, số khung 099647, số máy 0641024 là tài sản của anh Nguyễn Hồng P (cha của Nguyễn Đức N). Anh P không biết Nhân tự ý lấy xe mô tô trên sử dụng làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã trả lại cho anh P là phù hợp.

+ 01 (Một) xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo, màu đỏ đen, biển số 61D1 - 763.62, số khung RLCSE9210EY001693, số máy E3R7E001692 là tài sản của chị Phan Thị O (mẹ của Đặng Trọng Tuấn A). Chị O không biết Tuấn A tự ý lấy xe mô tô trên sử dụng làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã trả lại cho chị O theo là phù hợp.

+ Tịch thu tiêu huỷ 01 (Một) con dao Thái Lan cán gỗ, lưỡi sắt đầu nhọn dài được sử dụng làm công cụ phạm tội.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xanh dương, dung lượng 128Gb, số imei 356714111192817; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, số imei 353892108987176 các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về các vấn đề khác trong vụ án: Khi mua điện thoại của Tuấn A và N, anh T không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên bán điện thoại cho 01 (Một) người không rõ nhân thân, lai lịch với giá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Nên cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý là phù hợp.

[9] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận; về mức hình phạt là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[10] Trình bày của trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo tội danh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận; về mức hình phạt là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận;

[11] Đối với phần trình bày của bị cáo: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt. Đã được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Đặng Trọng Tuấn A, Nguyễn Trương D và Nguyễn Đức N phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo: Đặng Trọng Tuấn A 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/4/2025.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Trương D 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/4/2025.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 54, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Đức N 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/4/2025.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

+ Tịch thu tiêu huỷ 01 (Một) con dao thái Lan cán gỗ, lưỡi sắt đầu nhọn dài được sử dụng làm công cụ phạm tội.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xanh dương, dung lượng 128Gb, số imei 356714111192817; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, số imei 353892108987176 các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Vật chứng này hiện được lưu giữ tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai theo biên bản giao vật chứng tài sản ngày 27/8/2025.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 23, 26 và 27 Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với Bản án:

Bị cáo, người bào chữa có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án;

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- Thị hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhàn

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn

này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: **16/2017/HS-ST**).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân

phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)